| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**<br>TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 104/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trà My.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Song Hoàn;

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Ngọc Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 175/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐ-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thiên Y, sinh năm 1995, nơi cư trú: 360/12B BG, P NAN, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Thiện N, sinh năm 1994; nơi cư trú : 360/12B BG, P NAN, thành phố VT, tỉnh BR - VT.

(*Bà Y vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông* N *vắng mặt không có đơn*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thiên Y trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Thiện N tự nguyện quen nhau, tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai vào năm 2017. Sau khi kết hôn, bà và ông N xảy ra rất nhiều mâu thuẫn không thể tháo gỡ, hòa hợp do sự khác biệt về tính cách và quan điểm sống. Bản thân ông N không cố gắng vun đắp tình cảm, không biết hoạch định lo cho tương lai gia đình và hơn nữa ông N còn có hành động kiểm soát bà, dọa tự tử khiến cho bà áp lực tinh thần.

Do cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, tiếng nói chung nên từ tháng 5 năm 2023 bà không chung sống cùng ông N. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thiện N.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông N không có con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thiện N trình bày:***

Ông thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Ông cũng thừa nhận trong thời gian chung sống với bà Y có xảy ra nhiều mâu thuẫn do chưa hiểu nhau, tuy nhiên bản thân ông không hiểu hành động của mình đã gây tổn thương, áp lực tinh thần cho bà Y; ông có nguyện vọng được hàn gắn tình cảm, sửa chữa những hành vi không phù hợp của mình và ông xác định còn nhiều tình cảm với bà Y nên không đồng ý ly hôn. Ông thừa nhận ông và bà Y không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thiên Y vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:***

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Y.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thiên Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thiện N nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông N có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Y và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 105 ngày 11 tháng 7 năm 2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của bà Y, sau khi kết hôn bà và ông N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn. Ông N không biết vun đắp tình cảm vợ chồng, không có kế hoạch cho tương lai gia đình và còn có hành động kiểm soát bà, dọa tự tử khiến cho bà áp lực tinh thần, cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, không còn tình cảm, tiếng nói chung nên từ tháng 5 năm 2023 bà ra ngoài ở, không chung sống cùng ông N.

Tại bản tự  khai của ông Nguyễn Thiện N, ông cũng thừa nhận trong thời gian chung sống với bà Y có xảy ra nhiều mâu thuẫn do chưa hiểu nhau, tuy nhiên bản thân ông không hiểu hành động của mình đối với bà Y đã gây tổn thương, áp lực tinh thần cho bà.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi bà Y, ông N sinh sống có nội dung: bà Y, ông N trong thời gian cư trú tại địa phương có xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế nhưng không yêu cầu tổ dân phố, khu phố hòa giải mâu thuẫn .

Sau khi thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của bà Y đối với ông N, Tòa án tạo điều kiện về thời gian cho bà Y, ông N hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Tại các phiên hòa giải, bà Y vẫn xác định không còn tình cảm với ông N và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông N không tham dự và không có lý do.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y, ông N là có thật và ở mức trầm trọng, các bên đã được hòa giải nhưng không thành. Bà Y kiên quyết yêu cầu ly hôn vì không còn tình cảm với ông N. Ông N không đồng ý ly hôn vì cho rằng muốn hàn gắn tình cảm với bà Y, tuy nhiên ông N không đưa ra được phương pháp nào để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, việc ông N không tham dự các buổi hòa giải cho thấy ông N không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà Y và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc phải có sự tự nguyện từ cả vợ và chồng, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nếu chỉ có sự níu kéo từ một phía sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân sẽ không đạt được.

Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà Y với ông N là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Bà Y và ông N cùng xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đồng nhất với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 11 Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thiên Y.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thiên Y được ly hôn với ông Nguyễn Thiện N.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà Y và ông N cùng xác định không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y và ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thiên Y phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000975 ngày 28 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà Y đã nộp xong án phí.

Ông Nguyễn Thiện N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Vĩnh Thạnh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trà My**